



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
VÀ ĐỊA ỐC VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 216/VRC/2011

Tp. Vũng Tàu, ngày 21 tháng 11 năm 2012

"V/v bổ sung báo cáo lưu
chuyển tiền tệ lũy kế."

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

ĐẾN

Số: 38.208

Già: Ngày 12 tháng 11 năm 12

Công ty cổ phần xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu xin gửi lời chào trân trọng tới Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/11/2012 công ty cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2012 theo đúng quy định. Tuy nhiên trong báo cáo tài chính, phần báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty chỉ công bố số liệu của quý 3 năm 2012 mà không công bố số liệu lũy kế từ đầu năm. Vậy công ty xin bổ sung bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ có số liệu lũy kế từ đầu năm đến quý 3 năm 2012 theo đúng quy định của quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Trân trọng,

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN CHÍNH

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2012

Kỳ này: Quý 3 năm 2012; Kỳ trước: cùng kỳ năm trước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	T.M	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		165.994.809.096	84.959.907.416
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(45.698.448.395)	(19.113.029.874)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.825.134.419)	(9.531.642.016)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.035.882.653)	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.512.216.835)	(15.405.978.549)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		78.236.391.946	61.755.345.248
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(77.628.284.365)	(66.963.072.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		103.531.234.375	35.701.529.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các TSDH khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các TSDH khác	22		44.042.750	2.410.200
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.520.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.051.011.706)	(47.412.374.824)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.072.334.695	38.473.781.904
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		314.240.164	1.746.393.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		859.605.903	(7.189.788.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	19.353.954.897
2. Tiền trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã ph.hành	32		0	(6.960.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		26.716.231.218	76.303.387.940
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118.799.253.109)	(145.439.859.209)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.181.142.000)	(14.504.762.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(106.264.163.891)	(64.294.238.372)
- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.873.323.613)	(35.782.497.466)
- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.031.802.947	40.266.210.788
- ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.158.479.334	4.483.713.322

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 11 năm 2012

Tổng giám đốc

Trần Thị Thu Bình

Bùi Thị Đức

Nguyễn Văn Chính